

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2019/HNGĐ - ST**
Ngày: 22/02/2019
V/v Tranh chấp Ly hôn
và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh

2. Bà Lê Thị Dệt

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên

Ngày 22/02/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-DS ngày 01/02/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị X, sinh năm 1980 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Viết T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Thôn C, xã L, huyện N, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện nộp ngày 01/8/2018 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Xuân trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Viết T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/7/2002. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2017 mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do anh T rượu chè về chửi bới, đánh đập vợ con.

Điều kiện kinh tế lại khó khăn, anh T đi làm không đem tiền về cho chị nuôi con. Từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Cũng trong năm 2017 anh, chị sống thân đến nay không quan tâm đến nhau. Hiện chị không có thai. Quá trình chị làm đơn xin ly hôn, chị đã sao toàn bộ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo giao cho anh T, anh T đã ký nhận. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo nhiều lần nhưng anh không đến làm việc, thi thoảng anh T vẫn liên lạc với ông Đặng Viết C (là bố đẻ), anh T đã gây khó khăn cho chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung Đặng Viết T1, sinh ngày 07/4/2003 và Đặng Hoàng A, sinh ngày 29/9/2017 đang ở với chị từ khi vợ chồng ly thân. Nguyên vọng của chị xin được nuôi 2 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Đặng Viết T: Đã nhận được tài liệu khởi kiện do chị X trực tiếp giao. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không đến để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương nhưng không xác định được anh T ở đâu. Vì vậy, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại gia đình và tại Công sở xã L, huyện N. Ngày 21/02/2019 anh T về nhà. Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương đến nhà anh T làm việc. Tại đơn trình bày của anh T (có xác nhận của chính quyền địa phương), anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị X. Về số con chung, anh thống nhất như chị X đã trình bày và anh có nguyện vọng nuôi cháu Hoàng A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh có nguyện vọng xin được xét xử mặt.

Tại phiên tòa chị X giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T và xin được nuôi 2 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Đối với yêu cầu của anh T về xin nuôi cháu A, chị X không đồng ý vì cháu A còn quá nhỏ dưới 36 tháng tuổi và trên thực tế anh T không có trách nhiệm gì với các con nên chị tha thiết xin được trực tiếp nuôi cả 2 cháu. Về tài sản và công nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự là chị X đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71. Đối với anh T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt. Tuy nhiên đến ngày 21/02/2019 anh có đơn trình bày và có nguyện vọng

xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị X được ly hôn anh T. Giao 2 cháu cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị X,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa và chị Trần Thị X và anh Đặng Viết T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do điều kiện kinh tế khó khăn, anh T không tu chí làm ăn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2017 và cũng từ đó anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị X xin được ly hôn, về phía anh T cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Con chung: xác định chị X và anh T có 2 con chung Đặng Viết T, sinh ngày 07/4/2003 và Đặng Hoàng A, sinh ngày 29/9/2017 đang ở với chị từ khi vợ chồng ly thân. Nguyên vọng của chị xin được nuôi 2 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. HĐXX thấy có cơ sở nên chấp nhận. Đối với yêu cầu của anh T xin nuôi cháu Anh thì thấy: Tại thời điểm giải quyết vụ án cháu Anh chưa đủ 36 tháng tuổi và hai bên không có thỏa thuận nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, không chấp nhận yêu cầu của anh T.

[2.3] Tài sản và nợ chung: chị X và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị X hộ nghèo, thuộc diện được miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Xuân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: chấp nhận đơn yêu cầu, chị Trần Thị X được ly hôn anh Đặng Viết T

2. Về con chung: giao cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Đặng Viết T, sinh ngày 07/4/2003 và Đặng Hoàng A, sinh ngày 29/9/2017. Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị X.

Quyền kháng cáo: chị X được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã L, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình